CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hà Nội - Năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5-6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9-24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo quyết định số 3073/Q-UBND ngày 03 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 02/06/2016.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại số 360, đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị	Hoàng Văn Khanh	Chủ tịch HĐQT
	Phú Văn Phượng	Thành viên
	Phạm Quang Dụ	Thành viên
	Phạm Văn Dương	Thành viên
	Nguyễn Công Đức	Thành viên
Ban Giám đốc	Hoàng Văn Khanh	Giám đốc
	Đặng Văn Bính	Phó Giám đốc
	Phú Văn Phượng	Phó Giám đốc
	Phạm Quang Dụ	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 do Công ty lập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Hoàng Văn Khanh
Giám đốc
Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2018

SAO Y BẢN CHÍNH

NGÀY 16-05-2018

Số 399 VPCCTT Quyển số 02 TSB

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRUNG TÂM

Nguyễn Đình Hòe

CPA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (24) 3 783 2121
F +84 (24) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 395 /2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo chính tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia quan sát quá trình kiểm kê tiền mặt của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017 do không được yêu cầu. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng chưa cho phép chúng tôi khẳng định được tính hiện hữu của các khoản mục này tại thời điểm trên.

MOORE STEPHENS
INTERNATIONAL LIMITED
A member of Members in principal cities throughout the world

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1
Giấy UQ số 05/2015/UQ-CPAVIETNAM
ngày 10/10/2015 của Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Trung Khánh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1128-2018-137-1

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**25.049.296.762**	**27.031.511.094**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**7.059.123.952**	**1.230.024.703**
1. Tiền	111	5.01	7.059.123.952	1.230.024.703
2. Các khoản tương đương tiền	112			
III. Các khoản phải thu	**130**		**5.541.260.340**	**4.561.736.234**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	1.229.046.448	1.047.857.599
2. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		11.977.913	154.422.283
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.03	4.300.235.979	3.359.456.352
IV. Hàng tồn kho	**140**		**365.223.003**	**478.849.004**
1. Hàng tồn kho	141	5.04	365.223.003	478.849.004
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**12.083.689.467**	**20.760.901.153**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.07	673.323.817	
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(4.213.442)	
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		69.033.000	84.033.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		(125.080.200)	(125.080.200)
4. Chi phí sự nghiệp	161		11.470.626.292	20.801.948.353
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			**49.429.301.217**	**35.572.851.592**
II. Tài sản cố định	**220**		**28.859.864.151**	**29.737.661.544**
1. Tài sản cố định hữu hình	*221*	*5.05*	*28.859.864.151*	*29.737.661.544*
- Nguyên giá	222		50.999.336.240	48.862.487.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.139.472.089)	(19.124.825.606)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	*240*		**12.599.603.885**	**235.247.158**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.06	12.599.603.885	235.247.158
VI. Tài sản dài hạn khác	*260*		**7.969.833.181**	**5.599.942.890**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.07	7.969.833.181	5.599.942.890
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			**74.478.597.979**	**62.604.362.686**

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**27.131.205.554**	**6.313.795.724**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**27.027.205.554**	**6.201.795.724**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	3.619.958.000	132.500.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		396.018.454	3.072.484.701
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	584.869.587	940.707.042
4. Phải trả người lao động	314		(1.511.150.218)	(1.114.407.480)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	1.849.991.273	727.660.500
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		368.062.607	309.302.960
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	13.743.841.052	(116.451.999)
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	7.861.000.000	2.250.000.000
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		114.614.799	
II. Nợ dài hạn	**330**		**104.000.000**	**112.000.000**
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		104.000.000	112.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**47.347.392.425**	**56.290.566.962**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.13**	**36.794.546.029**	**36.431.808.962**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.699.990.000	38.461.237.441
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		94.556.029	
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421			(2.029.428.479)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			**10.552.846.396**	**19.858.758.000**
1. Nguồn kinh phí	431		10.552.846.396	19.858.758.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			**74.478.597.979**	**62.604.362.686**

Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Mai Thị Thanh Hoa	Phạm Quang Dụ	Hoàng Văn Khanh

SAO Y BẢN CHÍNH
NGÀY 16-05-2018
Số 399 VPCCTT Quyển số a/SBS
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Hòe

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 02/06/2016 đến 31/12/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	60.562.387.026	31.408.621.333
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch v	10		60.562.387.026	31.408.621.333
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.02	49.076.434.215	26.003.285.930
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch v**	**20**		**11.485.952.811**	**5.405.335.403**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	9.618.282	4.785.768
7.	Chi phí tài chính	22	6.04	171.588.000	183.401.000
8.	Chi phí bán hàng	24			-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.510.779.830	4.920.418.314
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**(186.796.737)**	**306.301.857**
11.	Thu nhập khác	31		862.244.000	1.500.137
12.	Chi phí khác	32		84.472.082	
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**777.771.918**	**1.500.137**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**590.975.181**	**307.801.994**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		118.195.036	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**472.780.145**	**307.801.994**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**		**98**	**83**

SAO Y BẢN CHÍNH

Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Mai Thị Thanh Hoa	Phạm Quang Dụ	Hoàng Văn Khanh

NGÀY 16-05-2018

Số 2916 SCT/BS Quyển số 02 TP/CC-SCT/BS
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Hòe

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Từ 02/06/2016 đến 31/12/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	**01**	**590.975.181**	**307.801.994**
2 Điều chỉnh cho các khoản		**3.186.234.483**	**1.095.004.211**
- Khấu hao TSCĐ	02	3.014.646.483	911.603.211
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Chi phí lãi vay	06	171.588.000	183.401.000
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi	**08**	**3.777.209.664**	**1.402.806.205**
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(937.249.652)	3.580.666.732
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	113.626.001	(57.759.639)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phả	11	14.838.700.122	(5.432.244.230)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.043.214.108)	(617.732.663)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(171.588.000)	(183.401.000)
- Thuế thu nhập đã nộp	15		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	823.195.484	196.920.676
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(673.374.445)	(254.851.307)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**14.727.305.066**	**(1.365.595.226)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài l	21	(14.501.205.817)	
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(14.501.205.817)**	**-**
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.021.000.000	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.418.000.000)	(310.000.000)
Lưu chuyển thuần trong kỳ	**50**	**5.829.099.249**	**(1.675.595.226)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1.230.024.703**	**2.905.619.929**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**7.059.123.952**	**1.230.024.703**

Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Mai Thị Thanh Hoa	Phạm Quang Dụ	Hoàng Văn Khanh

M.S.D.N: 2900326986 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN TP. VINH - T. NGHỆ AN

SAO Y BẢN CHÍNH
NGÀY 16-05-2018

Số: ... VPCCTT ... Quyển số ... TSB
CÔNG CHỨNG VIÊN
S.Đ.K.H.Đ ... VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRUNG TÂM TP. VINH - T. NGHỆ AN

Nguyễn Đình Hòe

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo quyết định số 3073/Q-UBND ngày 03 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 02/06/2016.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại số 360, đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thug om rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và duy tuy bảo dưỡng nghĩa trang);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Tư vấn xử lý môi trường.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực

hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

  Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-50
Máy móc và thiết bị	6-10
Phương tiện vận tải	6-10

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

  Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	5.138.529.881	8.837.900
Tiền gửi gân hàng	1.920.594.071	1.221.186.803
Tổng cộng	**7.059.123.952**	**1.230.024.703**

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cty CP MT cây xanh & XD Hưng Nguyên	370.958.665	-	330.987.965	-
Khu di tích Kim liên	-	-	129.140.000	-
Công ty xây dựng Hà Nội	32.052.400	-	32.052.400	-
Công ty CP MT cây xanh Nghi Lộc	275.583.000	-	87.052.735	-
Công ty CP du lịch môi trường Cửa Lò	208.360.556	-	205.770.064	-
Công ty CP MT xử lý rác Thái An Dương	25.527.040	-	28.409.920	-
Hợp tác xã dịch vụ MT Quán hành	93.718.895	-	61.991.160	-
Khách hàng khác	222.845.892	-	172.453.355	-
Tổng cộng	**1.229.046.448**	**-**	**1.047.857.599**	**-**

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	4.401.749.102	-	3.389.702.102	-
Phải thu khác (P.TN)	(101.513.123)	-	(30.245.750)	-
Tổng cộng	**4.300.235.979**	**-**	**3.359.456.352**	**-**

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	320.910.982	-	238.880.732	-
Công cụ, dụng cụ	44.312.021	-	239.968.272	-
Tổng cộng	**365.223.003**	**-**	**478.849.004**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	*17.246.599.727*	-	*31.090.720.923*	-	*525.166.500*	*48.862.487.150*
Tăng trong năm	*868.494.545*	-	*1.268.354.545*	-	-	*2.136.849.090*
- Mua trong năm	868.494.545	-	1.268.354.545	-	-	*2.136.849.090*
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	*18.115.094.272*	-	*32.359.075.468*	-	*525.166.500*	*50.999.336.240*
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	*1.822.059.539*	-	*17.091.162.993*	-	*211.603.074*	*19.124.825.606*
Tăng trong năm	*457.060.869*	-	*2.484.826.590*	-	*72.759.024*	*3.014.646.483*
- Khấu hao trong năm	457.060.869	-	2.484.826.590		72.759.024	*3.014.646.483*
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	*2.279.120.408*	-	*19.575.989.583*	-	*284.362.098*	*22.139.472.089*
Giá trị còn lại						
Đầu năm	*15.424.540.188*	-	*13.999.557.930*	-	*313.563.426*	*29.737.661.544*
Cuối năm	*15.835.973.864*	-	*12.783.085.885*	-	*240.804.402*	*28.859.864.151*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Mương thoát nước	9.132.000	9.132.000
Mở rộng bãi rác Đông Vinh 2006	109.630.158	109.630.158
Trụ sở mới Công ty	116.485.000	116.485.000
Công trình NT Cồn Túc - Nghi Kim	3.199.961.800	-
Công trình NT Nghi Liên	9.164.394.927	-
Tổng cộng	**12.599.603.885**	**235.247.158**

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	***673.323.817***	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	673.323.817	-
Dài hạn	***7.969.833.181***	***5.599.942.890***
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.434.406.218	5.599.942.890
Chi phí trả trước dài hạn (CT Nghi Kim)	2.872.153.479	-
Chi phí trả trước dài hạn (CT Nghi Liên)	663.273.484	-
Tổng cộng	**8.643.156.998**	**5.599.942.890**

5.8 Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty xây dựng Nghệ tĩnh	3.519.958.000	3.519.958.000	-	-
Phải trả đối tượng khác	100.000.000	100.000.000	132.500.000	132.500.000
Tổng cộng	**3.619.958.000**	**3.619.958.000**	**132.500.000**	**132.500.000**

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	937.656.242	4.150.980.348	4.701.327.489	387.309.101
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	179.755.436	61.560.400	118.195.036
Thuế thu nhập cá nhân	3.050.800	4.384.450	3.050.800	4.384.450
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	333.342.160	333.342.160	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.308.702.000	24.233.721.000	74.981.000
Tổng cộng	**940.707.042**	**28.977.164.394**	**29.333.001.849**	**584.869.587**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí lãi vay	307.542.000	-
Chi phí phải trả khác	1.542.449.273	727.660.500
Tổng cộng	**1.849.991.273**	**727.660.500**

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	(654.945.126)	(297.612.375)
Bảo hiểm xã hội	889.876.584	454.144.465
Cổ tức năm 2016	201.837.594	-
Cổ tức năm 2017	264.756.881	-
Phải trả, phải nộp khác (CT Nghi Kim)	5.693.632.512	-
Phải trả, phải nộp khác (CT Nghi Liên)	7.997.418.480	-
Các khoản phải trả khác	(648.735.873)	(272.984.089)
Tổng cộng	**13.743.841.052**	**(116.451.999)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn VND	**7.861.000.000**	**7.861.000.000**	**2.250.000.000**	**2.250.000.000**
Vay ngắn hạn cá nhân	7.861.000.000	7.861.000.000	2.250.000.000	2.250.000.000
Tổng cộng	**7.861.000.000**	**7.861.000.000**	**2.250.000.000**	**2.250.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư ngày 02/06/2016	**38.461.237.441**	**-**	**-**	**(2.337.230.473)**	**-**	**36.124.006.968**
- Tăng vốn kỳ này						-
- Lãi kỳ trước				307.801.994		307.801.994
Số dư ngày 31/12/2016	**38.461.237.441**	**-**	**-**	**(2.029.428.479)**	**-**	**36.431.808.962**
Số dư ngày 01/01/2017	**38.461.237.441**	**-**	**-**	**(2.029.428.479)**	**-**	**36.431.808.962**
- Tăng vốn năm này						-
- Lãi năm nay				472.780.145		472.780.145
- Cổ tức phải trả				(507.850.911)		(507.850.911)
- Trích lập quỹ			94.556.029	(211.170.828)		(116.614.799)
- Giảm do điều chỉnh vốn	(1.761.247.441)			2.337.230.473		575.983.032
- Giảm khác				(61.560.400)		(61.560.400)
Số dư ngày 31/12/2017	**36.699.990.000**	**-**	**94.556.029**	**-**	**-**	**36.794.546.029**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Vốn của nhà nước	29.652.990.000	31.414.237.441
Cán bộ công nhân viên	7.047.000.000	7.047.000.000
Cộng	**36.699.990.000**	**38.461.237.441**

c. Các giao dịch về vốn

	Năm nay	Từ 02/06/2016 đến 31/12/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	38.461.237.441	38.461.237.441
Vốn góp tăng trong kỳ		-
Vốn góp giảm trong kỳ	1.761.247.441	
Vốn góp cuối kỳ	**36.699.990.000**	**38.461.237.441**

d. Cổ tức

d) Cổ tức

	Năm nay
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	0,7%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Từ 02/06/2016 đến 31/12/2016
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.562.387.026	31.408.621.333
Tổng cộng	**60.562.387.026**	**31.408.621.333**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Từ 02/06/2016 đến 31/12/2016
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	49.076.434.215	26.003.285.930
Tổng cộng	**49.076.434.215**	**26.003.285.930**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Từ 02/06/2016 đến 31/12/2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.618.282	4.785.768
Tổng cộng	**9.618.282**	**4.785.768**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2017	Từ 02/06/2016 đến 31/12/2016
Lãi tiền vay	171.588.000	183.401.000
Tổng cộng	**171.588.000**	**183.401.000**

6.5 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Từ 02/06/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.630.435.679	3.789.835.302
Chi phí nhân công	34.819.176.130	16.920.184.000
Công cụ, dụng cụ, khấu hao TSCĐ	10.542.003.177	5.229.354.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.488.517.529	1.879.741.731
Chi phí dự phòng, thuế, phí và lệ phí	352.720.160	350.447.853
Chi phí khác bằng tiền	6.582.434.732	3.074.437.551
Tổng cộng	**61.415.287.407**	**31.244.001.043**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 02/06/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Mai Thị Thanh Hoa	Phạm Quang Dụ	Hoàng Văn Khanh

SAO Y BẢN CHÍNH
NGÀY 16-05-2018
Số: 1698 Quyển số
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRUNG TÂM
TP. VINH - T. NGHỆ AN
Nguyễn Đình Hòe

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN
M.S.D.N: 2900326...
TP. VINH - T. NGHỆ AN